

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 173/2024/DSST

Ngày: 05 - 7- 2024

V/v tranh chấp: “*Thừa kế tài sản,  
chia quyền sử dụng đất trong  
hộ*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**1/ Ông Đỗ Hữu Vị**

**2/ Ông Nguyễn Văn Tâm**

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa  
án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông** tham gia phiên  
tòa: Ông Võ Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông  
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2022/TLST-DS ngày  
26 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “*Thừa kế tài sản, chia quyền sử dụng đất  
trong hộ*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXX- DS ngày 31  
tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn B, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Số x đường N, khu phố x, phường x, thị xã G (Nay là khu phố x,  
phường x, thành phố G), tỉnh T (Giấy ủy quyền số 001049 ngày 17 tháng 3 năm  
2022).

2. **Bị đơn:** Ông Ngô Văn V, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Ngô Thanh L, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Số x đường N, khu phố x, phường x, thị xã G (Nay là khu phố x, phường x, thành phố G), tỉnh T (Giấy ủy quyền số 003664 ngày 14 tháng 7 năm 2022).

Ông Ngô Văn Đ, sinh năm xxxx, vắng mặt

Bà Ngô Thị Kiều L, sinh năm xxxx, vắng mặt

Bà Ngô Thị T, sinh năm xxxx, vắng mặt

Bà Đặng Thị P, sinh năm xxxx, vắng mặt

Anh Ngô Quốc S, sinh năm xxxx, vắng mặt

Anh Ngô Thanh T, sinh năm xxxx, vắng mặt

Anh Đỗ Thanh N, sinh năm xxxx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2022 và quá trình xét xử, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Phan Thị U trình bày: Mẹ của ông B là cụ Nguyễn Thị S chết năm 2017, cha là cụ Ngô Văn P chết năm 1970. Cụ S và cụ P có 05 người con là ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn B, ông Ngô Văn V và bà Ngô Thị Kiều L. Cụ S chết không để di chúc, có để tài sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa 1072, diện tích 5040m<sup>2</sup>, đất lúa; thửa số 1073, diện tích 350m<sup>2</sup>, đất ao; thửa số 1074, diện tích 2300 m<sup>2</sup>, đất thổ, vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00365 ngày 24/12/1997 cấp cho hộ Nguyễn Thị S. Nguồn gốc đất là của ông bà để lại. Thành viên hộ tại thời điểm cấp đất gồm 09 người: Cụ S, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn V, bà Ngô Thị Kiều L, bà Đặng Thị P, anh Ngô Quốc S, anh Ngô Thanh L, anh Đỗ Thanh N, anh Ngô Thanh T. Khi bà Săng còn sống đã cho ông B sử dụng thửa đất 1074 cất nhà cấp 4, trồng dừa trên đất. Ông B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất của cụ S cho ông B 602,1 m<sup>2</sup> (Có 60m<sup>2</sup> đất ở nông thôn), thửa số 1074, hiện ông B đang sử dụng trên đất có căn nhà và cây trồng của ông B.

\* Quá trình xét xử, bị đơn ông Ngô Văn V trình bày: Nguồn gốc đất của ông bà để lại cụ S thừa kế. Khi cụ S còn sống đã có cho ông B cất nhà ở trên thửa đất 1074 cho đến nay. Ông V thống nhất yêu cầu của ông B chia thừa kế theo pháp luật tài sản của cụ S là quyền sử dụng đất nêu trên. Ông V thống nhất chia ông B 602,1 m<sup>2</sup> (Có 60m<sup>2</sup> đất ở nông thôn), thửa số 1074 theo hiện trạng ông B đang sử

dụng có căn nhà của ông B. Phần diện tích đất còn lại ông V yêu cầu được tiếp tục sử dụng.

\* Trong đơn yêu cầu độc lập và quá trình xét xử, đại diện ủy quyền của anh Ngô Thanh L, bà Phan Thị U trình bày: Anh L là thành viên hộ bà Nguyễn Thị S được cấp quyền sử dụng đất như trình bày trên. Anh L có đơn yêu cầu chia đất trong hộ cho anh L một phần diện tích đất thửa số 1074. Nay anh L xin rút yêu cầu chia đất trong hộ.

\* Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Tốt, bà Ngô Thị Kiều L, bà Đặng Thị P, anh Ngô Quốc S, anh Đỗ Thanh N, anh Ngô Thanh T vắng mặt không có lời trình bày.

\* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 212, 219, 623, 649, 651, 660, 666 Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B và yêu cầu độc lập của anh Ngô Thanh L. Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Ngô Văn B quyền sử dụng đất có diện tích 602,1 m<sup>2</sup>, thửa số 1074, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00365 ngày 24/12/1997 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Săng. Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Ngô Thanh L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Kiều L, bà Ngô Thị T, bà Đặng Thị P, anh Ngô Quốc S, anh Ngô Thanh T và anh Đỗ Thanh N được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, bà L, bà T, bà P, anh S, anh T và anh N.

Quan hệ tranh chấp: Xét nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản và chia quyền sử dụng đất trong hộ theo quy định khoản 5, khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 219, 649, 660 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Thời hiệu thừa kế: Đương sự không tranh chấp về thời hiệu, không yêu cầu xem xét thời hiệu thừa kế theo pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.2 Di sản: Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho hộ Nguyễn Thị S. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự thống nhất trình bày nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cụ S thừa kế sử dụng đất đến khi cụ S chết. Nên có cơ sở xác định quyền sử dụng đất thửa số 1072, diện tích 5040m<sup>2</sup>, đất lúa; thửa

số 1073, diện tích 350m<sup>2</sup>, đất ao; thửa số 1074, diện tích 2300 m<sup>2</sup>, đất thổ, vườn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00365 ngày 24/12/1997 cấp cho hộ Nguyễn Thị S là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S.

**Xét yêu cầu độc lập của anh Ngô Thanh L** về chia quyền sử dụng đất trong hộ bà Nguyễn Thị S. Tại phiên tòa anh L rút yêu cầu. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu của anh L là tự nguyện, phù hợp điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng ghi nhận việc rút yêu cầu, đình chỉ xét xử yêu cầu của anh L về chia đất trong hộ bà Nguyễn Thị S.

2.3 Người thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định người thừa kế của cụ Nguyễn Thị S gồm: Ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn B, ông Ngô Văn V và bà Ngô Thị Kiều L, phù hợp văn bản số 42/CAH-QLHC ngày 18/01/2021 của Công an huyện Gò Công Đông xác nhận quan hệ nhân thân của cụ Nguyễn Thị Săng.

2.4 Kỷ phần thừa kế: Là 1/6 di sản, tương đương 1/6 tổng diện tích các thửa đất nêu trên.

**Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B** về thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa ông B và ông V thống nhất yêu cầu chia thừa kế cho ông B được quyền sử dụng diện tích 602,1 m<sup>2</sup> (Có 60m<sup>2</sup> đất ở nông thôn), thửa số 1074, theo hiện trạng ông B đang sử dụng có căn nhà và cây trồng trên đất, thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận chia di sản là quyền tự định đoạt của đương sự, hoàn toàn tự nguyện, phù hợp tình hình tài sản, hiện trạng sử dụng, có căn cứ theo quy định Điều 649, 660 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.5 Về các khoản thanh toán và nghĩa vụ của người chết để lại, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị đất\* được chia.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 649, 660 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B về chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị S. Ông Ngô Văn B được quyền sử dụng đất diện tích 602,1m<sup>2</sup> (Có 60m<sup>2</sup> đất ở nông thôn), thửa số 1047, có căn nhà của ông B đang ở trên đất, tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T (*Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, ông Ngô Văn B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông Ngô Văn V tiếp tục sử dụng phần diện tích còn lại thửa số 1047, tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T (*Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất*).

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu của anh Ngô Thanh L về chia đất trong hộ bà Nguyễn Thị S.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.340.500 đồng, được trừ số tiền 2.150.000 đồng theo biên lai thu số 0007761 ngày 20/4/2022. Ông B còn phải nộp số tiền 1.190.500 đồng. Anh Ngô Thanh L được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0028320 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Dũng**

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**Đỗ Hữu Vị**

**Nguyễn Văn Tâm**

**Trần Văn Dũng**









